

Phụ lục III
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /11/2024
của UBND tỉnh Nam Định)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (Kg/năm)	Mã CTNH
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	KS	30.000	12 06 05
2	Vật liệu cách nhiệt amiăng thải (cách nhiệt cho đường ống dẫn hơi)	KS	1.000	11 06 01
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	NH	3.300	16 01 06
4	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải	NH	200	19 02 06
5	Pin Ni-Cd thải	NH	100	19 06 02
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (phát sinh trong quá trình bảo dưỡng máy móc)	NH	31.000	17 02 03
7	Các loại dầu thải khác	NH	20.000	17 07 03
8	Bao bì mềm thải (đựng keo, mực in, hóa chất xử lý nước thải)	KS	500	18 01 01
9	Bao bì kim loại cứng thải (vỏ thùng mực in, keo)	KS	3.500	18 01 02
10	Bao bì nhựa cứng thải (vỏ thùng mực in, keo)	KS	30.000	18 01 03
11	Vật liệu xây dựng gốc thạch cao thải chứa thành phần nguy hại (từ quá trình sửa chữa nhà xưởng định kỳ hàng năm)	KS	20.000	11 07 01
12	Mực in thải	KS	150	08 02 01
13	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại (găng tay)	KS	50.000	18 02 01
14	Chất thải lây nhiễm (rác thải y tế)	NH	300	13 01 01
15	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	NH	4.000	12 01 04

16	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất của phòng thí nghiệm thải có thành phần nguy hại	KS	1.000	19 05 02
17	Nước thải có các thành phần nguy hại	KS	30	19 10 01
18	Sơn, phủ bóng, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	KS	300	16 01 09
Tổng			195.380	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Tổng khối lượng phát sinh khoảng 2.090 tấn/năm bao gồm: Vải phế liệu, bông phế và sợi phế khoảng 1.200 tấn/năm; giấy vụn khoảng 180 tấn/năm; bìa carton khoảng 500 tấn/năm; nylon phế, nhựa phế khoảng 90 tấn/năm; tro xỉ thải (bùn thải) khoảng 120 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn (CTR) sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 904 kg/ngày (tương đương khoảng 23,5 tấn/tháng). Thành phần gồm: Giấy vụn, thức ăn thừa, vỏ hoa quả,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Chủ dự án bố trí 08 khoang chứa được thiết kế vách ngăn tách rời, bằng khung thép có quét sơn chống gỉ để thu gom, lưu chứa CTNH (tại vị trí khu nhà A). Các thùng chứa được dán tên loại chất thải, mã CTNH theo quy định.

- Đối với bao bì, thùng phuy chứa hóa chất thải được chủ dự án thu gom và lưu giữ tại kho 2 diện tích 40 m² (tại vị trí khu nhà A). Các loại chất thải khác được chuyển về kho 1 có diện tích 100 m² (tại vị trí khu nhà A).

- Bùn thải từ trạm xử lý nước thải công suất 700 m³/ngày.đêm (sau khi qua máy ép bùn) và bùn thải từ trạm xử lý nước thải công suất 800 m³/ngày.đêm (sau khi phơi tại sân phơi bùn cạnh trạm) được đóng bao lưu giữ tại khu vực có mái che có diện tích 100 m² tại trạm xử lý.

2.1.2. Kho lưu chứa CTNH

- Chủ dự án bố trí 02 kho chứa CTNH tại vị trí khu nhà A, kho 1 có diện tích 100 m² và kho 2 có diện tích 40 m² để thu gom, lưu giữ CTNH phát sinh của dự án. Kho có tường bao kín, nền đổ bê tông, mái lợp tôn. Kho có khóa, ngoài có biển cảnh báo theo đúng quy định, gồm 08 khoang chứa được thiết kế vách ngăn tách rời, bằng khung thép có quét sơn chống gỉ, CTNH chứa vào từng khoang riêng biệt, có dán tên và mã quản lý CTNH cho từng loại.

- Chủ dự án đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển xử lý CTNH phát sinh theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTR công nghiệp thông thường

Chất thải rắn công nghiệp phát sinh của dự án được thu gom, phân loại tại nguồn và vận chuyển tập kết tại 02 kho chứa rác thải công nghiệp: Kho 1 có diện tích 150 m² (tại khu nhà A); kho 2 có diện tích 200 m² (tại khu nhà B)

- Đối với chất thải công nghiệp có thể tái chế Chủ dự án sẽ bán tận thu;
- Đối với chất thải rắn công nghiệp không tái chế, Chủ dự án đã hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

(Đối với bông phế, vải phế: Thời điểm tháng 05/2024 Công ty đã tiến hành lắp 02 máy cào xé sợi để tận dụng toàn bộ lượng bông phế, vải phế từ các xưởng may thuộc dự án và 02 cơ sở để làm nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất tấm xơ với lượng tái sử dụng khoảng 117 tấn/năm, tương đương khoảng 375 kg/ngày).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Đối với rác thải sân đường nội bộ: Chủ dự án bố trí đặt 30 thùng rác có dung tích 50 lít (cố định bằng bê tông) để thu gom; bố trí lực lượng lao động vệ sinh (gồm 30 người) thường xuyên tiến hành thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh từ các khu vực công cộng trong khuôn viên của Công ty, lực lượng này cũng có trách nhiệm chăm sóc cảnh quan khuôn viên.

+ Đối với rác thải sinh hoạt từ khu vực khối văn phòng, văn phòng nhà xưởng: Chủ dự án bố trí khoảng 50 thùng rác thu gom (có dung tích 20 lít) tại góc mỗi phòng.

+ Đối với rác từ nhà vệ sinh: Bố trí mỗi phòng vệ sinh 01 thùng rác (tổng 30 thùng) có nắp loại 50 lít và bố trí 02 lao động vệ sinh thường xuyên tiến hành thu gom rác thải từ văn phòng và nhà vệ sinh.

- Chủ dự án bố trí 01 kho lưu chứa CTR sinh hoạt với diện tích 20 m² để lưu giữ trước khi chuyển cho đơn vị thu gom rác thải đưa đi xử lý.

- Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt theo quy định.

3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, công trình lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường

Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng kế hoạch ứng phó sự cố khác thì phải đảm bảo nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất

- Chủ dự án đã xây dựng phương án Phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và được Sở Công Thương tỉnh Nam Định cấp Giấy xác nhận số 01/2017/XN-CT ngày 08/02/2017.

- Chủ dự án bố trí 03 kho hóa chất tổng diện tích 1.638 m² (Kho 1 diện tích 265 m², kho 2 diện tích 499 m², kho 3 diện tích 660 m², kho 4 diện tích 280 m²) để lưu chứa hóa chất theo quy định.

- Quy trình, hóa chất sử dụng: Chủ dự án ban hành quy trình sử dụng từng loại hóa chất. Tại mỗi kho lưu giữ hóa chất đều được thiết kế nền chống thấm phòng tránh việc rò rỉ hóa chất ra môi trường, đồng thời bố trí trước cửa kho 02 bình cứu hỏa và khu vực rửa mắt của công nhân khi tiếp xúc với hóa chất.

- Định kỳ tổ chức tập huấn kiến thức về an toàn hóa chất cho người lao động có liên quan đến hóa chất và tổ chức diễn tập biện pháp ứng phó phòng ngừa sự cố hóa chất.

3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với kho chứa CTNH

- Lập sổ theo dõi tải lượng phát sinh của từng loại CTNH từ dự án.

- Yêu cầu công nhân thu gom, phân loại, lưu giữ CTNH theo từng loại riêng biệt, tuyệt đối không để CTNH có khả năng tương tác với nhau đặt gần nhau.

- Bố trí thiết bị dụng cụ phòng cháy chữa cháy (PCCC), vật liệu hấp thụ (cát), xèng trong kho CTNH để ứng phó khi có sự cố xảy ra.

- Khi có sự cố rò rỉ, phát tán CTNH ra môi trường xung quanh, chủ dự án sẽ thu gom CTNH vào thùng chứa, kho chứa và vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Chủ dự án đã xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy và đã được cơ quan có chức năng thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy theo quy định:

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 51/TD-PCCC ngày 28/10/2004 của Công an tỉnh;

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 24/TD-PCCC ngày 29/12/2007 của Công an tỉnh;

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 51/TD-PCCC ngày 10/9/2010 của Công an tỉnh;

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 45/TD-PCCC ngày 14/10/2011 của Công an tỉnh;

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 143/TD-PCCC ngày 06/10/2021 của phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh;

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 122/TD-PCCC ngày 15/8/2023 của phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh;

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 181/TD-PCCC ngày 27/10/2023 của phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh.

- Định kỳ 06 tháng/lần, Chủ dự án tổ chức kiểm tra hệ thống báo cháy như: Đầu tín hiệu (nhiệt, báo khói), nút bấm khẩn cấp, chuông, đèn, bom,... và các bình chữa.

- Hàng năm phối hợp với Cảnh sát PCCC tỉnh Nam Định tổ chức phối hợp tác chiến diễn tập các phương án PCCC, phương án cứu nạn, phương án thoát hiểm khi có sự cố trên tất cả các khu vực của dự án.

- Trang bị hệ thống báo cháy, các dụng cụ phòng cháy chữa cháy (máy bơm nước, vòi xịt nước, bình CO₂, bình bọt hoá chất,...) cũng như các tiêu lệnh chữa cháy bố trí tại các vị trí thích hợp, dễ nhìn, thuận tiện cho việc sử dụng khi có sự cố xảy ra.

- Diễn tập phương án PCCC theo phương án đã được phê duyệt.

5. Biện pháp phòng ngừa sự cố vệ sinh an toàn thực phẩm

- Chủ dự án ký hợp đồng cung cấp dịch vụ ăn uống với các đơn vị có đủ năng lực để cung cấp suất ăn theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ quy định của Luật An toàn vệ sinh thực phẩm./.